

Bài 48: QUẦN THỂ NGƯỜI

Câu 1: Những đặc điểm đều có ở quần thể người và các quần thể sinh vật khác là:

- A. Giới tính, sinh sản, hôn nhân, văn hoá
- B. Giới tính, lứa tuổi, mật độ, sinh và tử
- C. Văn hoá, giáo dục, mật độ, sinh và tử
- D. Hôn nhân, giới tính, mật độ

Câu 2: Những đặc điểm chỉ có ở quần thể người mà không có ở quần thể sinh vật khác là:

- A. Giới tính, pháp luật, kinh tế, văn hoá
- B. Sinh sản, giáo dục, hôn nhân, kinh tế
- C. Pháp luật, kinh tế, văn hoá, giáo dục, hôn nhân
- D. Tử vong, văn hoá, giáo dục, sinh sản

Câu 3: Quần thể người có đặc trưng nào sau đây khác so với quần thể sinh vật?

- A. Tỷ lệ giới tính
- B. Thành phần nhóm tuổi
- C. Mật độ
- D. Đặc trưng kinh tế xã hội.

Câu 4: Những yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của con người và đến chính sách kinh tế, xã hội của mỗi quốc gia?

- A. Tỷ lệ giới tính
- B. Sự tăng giảm dân số
- C. Thành phần nhóm tuổi
- D. Cả 3 yếu tố A, B và C

Câu 5: Yếu tố cơ bản nhất ảnh hưởng đến việc tăng hoặc giảm dân số ở quần thể người là:

- A. Mật độ dân số trên một khu vực nào đó
- B. Tương quan giữa tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử vong
- C. Tỷ lệ giới tính
- D. Mật độ và lứa tuổi trong quần thể người

Câu 6: Hiện tượng tăng dân số tự nhiên là do:

- A. Số người sinh ra nhiều hơn số người tử vong
- B. Số người sinh ra và số người tử vong bằng nhau
- C. Số người sinh ra ít hơn số người tử vong
- D. Chỉ có sinh ra, không có tử vong

Câu 7: Hiện tượng tăng dân số cơ học là do:

- A. Tỷ lệ sinh cao hơn nhiều so với tỉ lệ tử vong
- B. Tỷ lệ sinh và tỉ lệ tử vong bằng nhau
- C. Số người nhập cư nhiều hơn lượng người xuất cư
- D. Lượng người xuất cư nhiều hơn lượng người nhập cư

Câu 8: Hậu quả dẫn đến từ sự gia tăng dân số quá nhanh là:

- A. Điều kiện sống của người dân được nâng cao hơn
- B. Trẻ được hưởng các điều kiện để học hành tốt hơn
- C. Thiếu lương thực, thiếu nơi ở, trường học và bệnh viện
- D. Nguồn tài nguyên ít bị khai thác hơn

Câu 9 : Để góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, điều cần làm là:

- A. Xây dựng gia đình với qui mô nhỏ, mỗi gia đình chỉ nên có từ 1 đến 2 con
- B. Tăng cường và tận dụng khai thác nguồn tài nguyên

- C. Chặt, phá cây rừng nhiều hơn
- D. Tăng tỉ lệ sinh trong cả nước

Câu 10: Điều đúng khi nói về thành phần của quần xã sinh vật:

- A. Tập hợp các sinh vật cùng loài
- B. Tập hợp các cá thể sinh vật khác loài
- C. Tập hợp các quần thể sinh vật khác loài
- D. Tập hợp toàn bộ các sinh vật trong tự nhiên

Câu 11: Quần thể người có những nhóm tuổi nào sau đây?

- A. Nhóm tuổi trước sinh sản, nhóm tuổi sinh sản và lao động, nhóm tuổi hết khả năng lao động nặng nhọc
- B. Nhóm tuổi sinh sản và lao động, nhóm tuổi sau lao động, nhóm tuổi không còn khả năng sinh sản
- C. Nhóm tuổi lao động, nhóm tuổi sinh sản, nhóm tuổi hết khả năng lao động nặng nhọc
- D. Nhóm tuổi trước lao động, nhóm tuổi lao động, nhóm tuổi sau lao động

Câu 12: Đặc điểm của hình tháp dân số trẻ là gì?

- A. Đáy rộng, cạnh tháp xiên nhiều và đỉnh tháp nhọn, biểu hiện tỉ lệ tử vong cao, tuổi thọ trung bình thấp
- B. Đáy không rộng, cạnh tháp xiên nhiều và đỉnh tháp không nhọn, biểu hiện tỉ lệ tử vong cao, tuổi thọ trung bình thấp.
- C. Đáy rộng, cạnh tháp hơi xiên và đỉnh tháp không nhọn, biểu hiện tỉ lệ tử vong cao, tuổi thọ trung bình thấp
- D. Đáy rộng, cạnh tháp hơi xiên và đỉnh tháp không nhọn, biểu hiện tỉ lệ tử vong trung bình, tuổi thọ trung bình khá cao

Câu 13: Tháp dân số già có đặc điểm là:

- A. Đáy hẹp, đỉnh không nhọn, cạnh tháp gần như thẳng đứng, biểu hiện tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử vong đều thấp, tuổi thọ trung bình cao.
- B. Đáy trung bình, đỉnh không nhọn, cạnh tháp gần như thẳng đứng, biểu hiện tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử vong đều thấp, tuổi thọ trung bình cao.
- C. Đáy rộng, đỉnh không nhọn, cạnh tháp gần như thẳng đứng, biểu hiện tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử vong đều thấp, tuổi thọ trung bình cao.
- D. Đáy rộng, đỉnh nhọn, cạnh tháp xiên nhiều, biểu hiện tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử vong đều thấp, tuổi thọ trung bình cao

Câu 14: Tháp dân số thể hiện:

- A. Đặc trưng dân số của mỗi nước
- B. Thành phần dân số của mỗi nước
- C. Nhóm tuổi dân số của mỗi nước
- D. Tỉ lệ nam/nữ của mỗi nước

Câu 15: Ở quần thể người, quy định nhóm tuổi trước sinh sản là:

- A. Từ 15 đến dưới 20 tuổi
- B. Từ sơ sinh đến dưới 15 tuổi
- C. Từ sơ sinh đến dưới 25 tuổi
- D. Từ sơ sinh đến dưới 20 tuổi

Câu 16: Yếu tố cơ bản nhất ảnh hưởng đến việc tăng hoặc giảm dân số ở quần thể người là:

- A. Mật độ dân số trên một khu vực nào đó
- B. Tương quan giữa tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử vong
- C. Tỉ lệ giới tính

D. Mật độ và lứa tuổi trong quần thể người

Câu 17: Tháp dân số thể hiện

- A. Đặc trưng dân số của mỗi nước
- B. Thành phần dân số của mỗi nước
- C. Nhóm tuổi dân số của mỗi nước
- D. Tỷ lệ nam/nữ của mỗi nước

Câu 18: Mục đích của việc thực hiện Pháp lệnh dân số ở Việt Nam là

- A. Bảo đảm chất lượng cuộc sống của mỗi cá nhân, gia đình và toàn xã hội
- B. Bảo vệ môi trường không khí trong lành
- C. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản của quốc gia
- D. Nâng cao dân trí cho người có thu nhập thấp

Câu 19: Để góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, điều cần làm là:

- A. Xây dựng gia đình với quy mô nhỏ, mỗi gia đình chỉ nên có từ 1 đến 2 con
- B. Tăng cường và tận dụng khai thác nguồn tài nguyên
- C. Chặt, phá cây rừng nhiều hơn
- D. Tăng tỉ lệ sinh trong cả nước

THCS ĐẠI H